

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-TTr ngày 20/5/2020 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra đột xuất việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất, từ ngày 25/5/2020 đến ngày 29/5/2020, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất (sau đây gọi tắt là Trường).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/6/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

- 1. Tên đơn vị:** Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất.
- 2. Địa chỉ:** Xã Hải Bình, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- 3. Địa chỉ liên lạc qua các phương tiện**

- Điện thoại: 0255. 3610.588.
- Fax: 0255. 3610.588.
- Email: cdq@dungquat.edu.vn.
- Website: www.dungquat.edu.vn.

- 4. Năm thành lập**

- Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất tiền thân là Trường Đào tạo nghề Dung Quất được thành lập theo Quyết định số 188/QĐ-BQL ngày 11/6/2001 của Trường Ban quản lý Khu công nghiệp Dung Quất (nay là Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi).

- Ngày 03/7/2009, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Dung Quất trực thuộc Tổng cục Dạy nghề theo Quyết định số 843/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Ngày 30/12/2011, Trường chuyển về Bộ LĐTBXH theo Quyết định số 1757/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Ngày 09/3/2017, Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất theo Quyết định số 292/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 101/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 01/10/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

5. Chức năng, nhiệm vụ

Thực hiện Quyết định số 978/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 01/7/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, chức năng, nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo trình độ nghề từ sơ cấp, trung cấp đến cao đẳng, đảm bảo lực lượng lao động có kiến thức và năng lực thực hành, có tác phong công nghiệp; ứng dụng công nghệ phục vụ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác tổ chức, cán bộ

1. Tổ chức bộ máy

1.1. Cơ cấu tổ chức

- Từ ngày 01/7/2013 đến 15/4/2019: Tổ chức bộ máy quy định tại Quyết định số 978/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 01/7/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, gồm: Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 7 phòng chức năng, 6 khoa, 2 trung tâm và 02 đơn vị tương đương cấp phòng (Ban Tuyển sinh và Tư vấn việc làm, Thư viện).

- Từ 15/4/2019 đến thời điểm thanh tra: Tổ chức bộ máy quy định tại Quyết định số 509/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, gồm: Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 5 phòng chức năng, 6 khoa, 02 trung tâm.

- Tại thời điểm thanh tra, Trường chưa kiện toàn Hội đồng trường theo quy định.

1.2. Các tổ chức đảng, đoàn thể

- Đảng ủy: 11 người.
- Ban chấp hành Công đoàn: 11 người.
- Ban chấp hành Đoàn thanh niên: 15 người.

1.3. Công chức, viên chức, người lao động

- Về số lượng: Tại thời điểm thanh tra, tổng số công chức, viên chức, người lao động: 174 người (126 nam, 48 nữ), trong đó:

- + Công chức: 04 người.
- + Viên chức: 107 người.
- + Hợp đồng lao động chuyên môn: 42 người.
- + Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 20 người.
- + Hợp đồng thử việc: 01 người.

Cụ thể:

Stt	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Ban Giám hiệu	04	
II	Các phòng chức năng	92	
1	Phòng Quản lý đào tạo	08	03 HĐLĐ



2	Phòng Tổ chức - Hành chính	29	22 HĐLĐ
3	Phòng Kế toán - Tài vụ	05	01 HĐLĐ
4	Phòng Đảm bảo chất lượng - Khoa học	04	02 HĐLĐ
5	Phòng Tuyển sinh, Việc làm và Truyền thông	04	01 HĐLĐ
6	Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ	04	
7	Trung tâm Đào tạo lái xe	38	27 HĐLĐ
III	Các khoa, bộ môn trực thuộc	78	
1	Khoa Điện điện tử	14	
2	Khoa Cơ khí chế tạo	17	04 HĐLĐ
3	Khoa Cơ khí động lực	19	03 HĐLĐ
4	Khoa Công nghệ lọc hóa dầu	09	01 HĐLĐ
5	Khoa Kỹ thuật tổng hợp	08	
6	Khoa Khoa học cơ bản	11	01 HĐLĐ
	Tổng cộng:	174	62 HĐLĐ

- Về trình độ công chức, viên chức, người lao động: 02 người trình độ tiến sĩ, 56 người trình độ thạc sĩ, 60 người trình độ đại học và 56 người trình độ dưới đại học.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 1 kèm theo)

2. Công tác quản lý, sử dụng viên chức, người lao động

2.1. Công tác tuyển dụng

a) Tuyển dụng viên chức

Từ 01/01/2016 đến thời điểm thanh tra, Trường tuyển dụng 11 viên chức (xét tuyển đặc cách 01 người, xét tuyển 10 người), cụ thể:

- Năm 2016: Xét tuyển 01 viên chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (ông Đỗ Huyền Trang), xét tuyển đặc cách 01 người (ông Trần Tôn Tấn) có kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, có trình độ chuyên môn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Đã thực hiện chế độ tập sự đối với ông Trần Tôn Tấn.

- Năm 2017: Không tuyển dụng.

- Năm 2018

+ Trường xây dựng kế hoạch đề nghị bổ sung 07 chỉ tiêu viên chức (tại Tờ trình số 01/TTr-CDQ ngày 29/01/2018), hình thức xét tuyển đã được Bộ phê duyệt tại Công văn số 1028/LĐT BXH-TCCB ngày 16/3/2018.

+ Tổ chức xét tuyển: Trường có thông báo tuyển dụng (Thông báo số 32/TB-CDQ ngày 16/4/2018) đăng trên Báo Người lao động; thành lập Hội đồng xét tuyển (theo Quyết định số 237/QĐ-CDQ ngày 31/5/2018 của Hiệu



trường); thông báo danh sách đủ điều kiện dự tuyển, thành lập các ban kiểm tra, sát hạch xét tuyển, báo cáo và đề nghị Bộ công nhận kết quả (tại Tờ trình số 17/TTr-CDQ ngày 16/7/2018 của Trường).

Tại Thông báo số 46/TB-HĐTDVC ngày 19/6/2018 của Hội đồng tuyển dụng viên chức, trong danh sách 7 thí sinh đủ điều kiện của vòng 1 (vòng kiểm tra hồ sơ) được tham dự vòng 2 (kiểm tra, sát hạch trình độ chuyên môn) có 01 trường hợp (Trần Minh Tiến) thiếu chứng chỉ tin học, 01 trường hợp (Võ Minh Hà) thiếu chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 02 trường hợp (Phạm Văn Tiến, Phạm Tấn) thiếu chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ sư phạm, 01 trường hợp (Nguyễn Hồng Sáng) thiếu chứng chỉ tin học và ngoại ngữ.

+ Trong 05 trường hợp trúng tuyển có 02 trường hợp thiếu điều kiện là: Võ Minh Hà, Trần Minh Tiến. Tại thời điểm thanh tra, ông Võ Minh Hà đã bổ sung chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, ông Trần Minh Tiến đã bổ sung chứng chỉ tin học.

+ Đã thực hiện chế độ tập sự đối với 02 trường hợp (Phạm Văn Hiếu, Võ Minh Hà), 03 trường hợp không áp dụng chế độ tập sự, lý do: Đã có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm.

- Năm 2019

+ Trường xây dựng kế hoạch đề nghị bổ sung 22 chỉ tiêu viên chức (tại Tờ trình số 36/TTr-CDQ ngày 15/7/2019), hình thức xét tuyển đã được Bộ phê duyệt tại Công văn số 3300/LĐT BXH ngày 06/8/2019.

+ Tổ chức xét tuyển: Có thông báo tuyển dụng (Thông báo số 60/TB-CDQ ngày 04/9/2019) đăng trên Báo Người lao động; thành lập Hội đồng xét tuyển (theo Quyết định số 685/QĐ-CDQ ngày 21/10/2019 của Hiệu trưởng), họp Hội đồng xét tuyển vòng 1 (tại Biên bản số 01/BB-HĐTDVC ngày 11/11/2019); thông báo danh sách đủ điều kiện dự tuyển, thành lập các ban kiểm tra, sát hạch xét tuyển, ban hành quy định nội dung và hình thức xét tuyển, báo cáo và đề nghị Bộ công nhận kết quả (tại Tờ trình số 40/TTr-CDQ ngày 29/11/2019).

+ Bộ đã phê duyệt kết quả 04 trường hợp trúng tuyển tại Công văn số 5413/LĐT BXH-TCCB ngày 11/12/2019. Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc.

+ Không thực hiện chế độ tập sự, do các trường hợp trúng tuyển đều là cán bộ làm việc lâu năm tại Trường.

- Năm 2020: Đã xây dựng kế hoạch bổ sung viên chức kèm theo Tờ trình số 77/TTr-CDQ ngày 31/3/2020 gửi Bộ nhưng chưa có ý kiến phê duyệt.

b) *Tuyển dụng hợp đồng lao động*

- Từ 01/01/2016 đến tháng 5/2020, Trường tuyển dụng 16 người làm việc theo hợp đồng lao động, cụ thể:

+ Năm 2016: Tuyển dụng 03 người (02 giáo viên dạy thực hành lái xe, 01 giáo viên dạy cơ khí).



+ Năm 2017: Tuyển dụng 04 người (01 giáo viên dạy thực hành lái xe, 01 giáo viên dạy cơ khí động lực, 02 nhân viên quản lý đào tạo).

+ Năm 2018: Tuyển dụng 03 người (02 giáo viên dạy thực hành lái xe, 01 nhân viên quản lý đào tạo tại Trung tâm đào tạo lái xe).

+ Năm 2019: Tuyển dụng 03 người (02 giáo viên dạy thực hành lái xe, 01 nhân viên quản lý xe tại Trung tâm đào tạo lái xe).

+ Năm 2020: Tuyển dụng 03 người (02 bảo vệ và 01 tạp vụ).

Riêng năm 2020, Trường không thực hiện việc công khai tuyển dụng lao động.

- Việc tuyển dụng lao động hợp đồng tại Trung tâm đào tạo lái xe đã được Bộ đồng ý chủ trương tại Công văn số 3467/LĐT BXH-TCCB ngày 12/9/2013. Quá trình tuyển dụng, Trường đã có thông báo tuyển dụng, thành lập Hội đồng phỏng vấn xét, tuyển dụng lao động.

- Trường áp dụng thời gian thử việc 30 ngày đối với công việc tạp vụ, và 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ (dạy lái xe thực hành).

c) Ký kết hợp đồng làm việc

- Tổng số viên chức là 107 người đã được ký kết hợp đồng làm việc.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 2 kèm theo)

- Nội dung hợp đồng làm việc theo quy định tại Điều 26 Luật Viên chức và Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc.

d) Ký kết hợp đồng lao động

- Từ 01/01/2016 đến tháng 5/2020, Trường đã ký kết 15 hợp đồng lao động, 01 hợp đồng thử việc.

- Nội dung hợp đồng lao động: Kiểm tra 05 hợp đồng lao động (ông Nguyễn Cường, bà Nguyễn Thị Nhân, ông Phạm Ngọc Thiệt, bà Trần Thị Thu Thắm, bà Lê Thị Nhàn), cho thấy: Tại mục nội dung công việc phải làm ghi chung chung "thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trường đơn vị sử dụng/Trường khoa và Hiệu trưởng".

2.2. Công tác sắp xếp, bố trí, điều động viên chức, người lao động

a) Việc bố trí, sắp xếp công chức, viên chức, người lao động

Bố trí, sắp xếp vị trí việc làm tương ứng với bản mô tả công việc đã được phê duyệt và sau khi kiện toàn bộ máy theo Quyết định số 509/QĐ-LĐT BXH ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 3 kèm theo)

b) Điều động, thay đổi vị trí việc làm từ năm 2016 đến thời điểm thanh tra

- Số lượng viên chức được điều động, thay đổi vị trí việc làm: 18 lượt người.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 4 kèm theo)

- Số lượng hợp đồng lao động thay đổi vị trí việc làm: 08 lượt người.

u

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 5 kèm theo)

c. Quy trình thực hiện điều động viên chức, người lao động

Căn cứ các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường đề nghị hoặc theo nguyện vọng cá nhân của viên chức, người lao động xin chuyển (các trường hợp điều chuyển được thông báo trong cuộc họp giao ban hàng tháng), Phòng Tổ chức - Hành chính xem xét đánh giá năng lực chuyên môn của viên chức, người lao động được đề nghị điều chuyển và trực tiếp làm việc với đơn vị nơi có viên chức, người lao động trong diện điều chuyển.

Trên cơ sở thống nhất của các bên, Phòng Tổ chức - Hành chính trình Hiệu trưởng ký quyết định điều động.

Trường chưa rà soát thay đổi chức danh nghề nghiệp/ngạch tương ứng với vị trí việc làm đối với các trường hợp thay đổi vị trí việc làm; chưa thực hiện sửa đổi, bổ sung hợp đồng làm việc đối với viên chức thay đổi vị trí việc làm và nhiệm vụ công việc thay đổi.

2.3. Công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Năm 2016

- Trường xây dựng phương án chuyển chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học (mã 15.113) và tương đương sang giảng viên hạng III - mã V.07.01.03 đối với 61 trường hợp (tại Tờ trình số 20/TTr-CDN ngày 16/6/2015) đã được Bộ đồng ý chủ trương, hướng dẫn thực hiện tại công văn số 4028/LĐT BXH-TCCB ngày 05/10/2015.

- Thành lập Hội đồng xét chuyển chức danh nghề nghiệp và ban hành Công văn số 43/CDN-TCCB ngày 21/3/2016 báo cáo Bộ phê duyệt phương án thực hiện xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức đối với 61 trường hợp, kết quả:

Bộ đã ban hành quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp và xếp lương từ giáo viên trung học (mã số 15.113) sang giảng viên hạng III đối với 02 Lãnh đạo Trường và phê duyệt kết quả xét chuyển chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 59 viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học (mã số 15.113) sang giảng viên hạng III - (mã số V.07.01.03) theo Công văn số 3688/LĐT BXH-TCCB ngày 26/9/2016.

b) Năm 2017, 2018: Không có trường hợp nào thay đổi chức danh nghề nghiệp.

c) Năm 2019, 2020

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 4598/LĐT BXH-TCCB ngày 29/10/2019, Công văn số 5006/LĐT BXH-TCCB ngày 22/11/2019 của Bộ về việc bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, Trường xây dựng Kế hoạch số 59/KH-CDQ ngày 05/12/2019 về việc bổ nhiệm và chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp và ban hành Công văn số 103/CDQ-TCHC ngày 04/5/2010 báo cáo Bộ đề nghị phê duyệt phương án bổ nhiệm và chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với 89 trường hợp

uu

đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III - (mã V.07.01.03), giáo viên trung học (mã số 15.113), chuyên viên (mã số 01.003), kế toán viên (mã số 06.031), huấn luyện viên (mã 18.181) sang giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - (mã V.09.02.03); giáo viên trung học cao cấp (mã 15.112) sang giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II (mã V.09.02.02); giáo viên trung học cơ sở (mã 15a.202), tuyên truyền viên chính (mã 17a.177), kỹ sư cao đẳng (mã 13a.095) sang giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III (mã V.09.02.04); giáo viên tiểu học (mã 15.114) sang giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV (mã V.09.02.09).

d) *Thăng hạng chức danh nghề nghiệp*: Trong thời kỳ thanh tra, không có trường hợp nào thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2.4. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thôi giữ chức vụ đối với người quản lý

a) Công tác quy hoạch cán bộ

- Năm 2017

+ Thực hiện Hướng dẫn số 200-HD/BCS ngày 13/6/2017 của Ban Cán sự Đảng Bộ LĐTBXH về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2021- 2026, Trường đã triển khai thực hiện việc rà soát, bổ sung và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021, giai đoạn 2021 - 2026, kết quả: Bí thư Đảng ủy Trường đã phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và giai đoạn 2021 -2026 tại Quyết định số 29-QĐ/ĐU ngày 24/8/2017, gồm 41 người.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 6 kèm theo)

+ Tại Tờ trình số 28/TTr-CDQ ngày 24/8/2017, Trường đã báo cáo Ban Cán sự Đảng Bộ LĐTBXH, Vụ Tổ chức - Cán bộ Bộ LĐTBXH kết quả rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2021 - 2026 thuộc thẩm quyền của Ban cán sự.

Ban cán sự Đảng Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 446-QĐ/BCSĐ ngày 18/6/2018 phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền.

- Năm 2018: Không thực hiện.

- Năm 2019 đến thời điểm thanh tra, Trường đang tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch theo hướng dẫn tại Công văn số 701 - CV/BCSĐ ngày 29/5/2019 của Ban Cán sự Đảng Bộ LĐTBXH.

b) Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Bổ nhiệm

+ Năm 2016: Bổ nhiệm 01 chức vụ Phó trưởng Hành chính - Quản trị từ nguồn quy hoạch tại chỗ.

+ Năm 2017, 2018: Không.

+ Năm 2019: Bổ nhiệm 02 trường hợp từ nguồn quy hoạch tại chỗ, cụ thể:



* Ông Phạm Thanh Truyền - Phó giám đốc Trung tâm đào tạo lái xe giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm.

* Ông Nguyễn Văn Hòa - Phó trưởng Khoa Công nghệ lọc hóa dầu giữ chức vụ Trưởng khoa.

- Bổ nhiệm lại

+ Năm 2016: Bổ nhiệm lại 04 trường hợp cấp phòng, khoa (ông Đoàn Bá Vũ, ông Nguyễn Văn Bảo, ông Nguyễn Quang Bình, ông Phạm Thanh Truyền).

+ Năm 2017: Bổ nhiệm lại 01 trường hợp cấp phòng (ông Trương Quốc Hưng).

+ Năm 2018: Bộ đã ban hành quyết định bổ nhiệm lại ông Võ Hữu Việt - giữ chức vụ Kế toán trưởng.

+ Năm 2019 (trước thời điểm kiện toàn tổ chức bộ máy tháng 4/2019): Bổ nhiệm lại 02 trường hợp (ông Lê Công Sơn - Trưởng Khoa Cơ khí chế tạo, bà Phạm Thị Tường Giang - Giám đốc Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ); đề nghị Bộ bổ nhiệm lại 03 trường hợp (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng).

+ Năm 2020: Bổ nhiệm lại 05 trường hợp cấp phòng, khoa (ông Cao Bảo Hiệp, Phó Phòng Kế toán - Tài vụ, ông Nguyễn Tấn Tại - Phó Khoa Cơ khí động lực, ông Đỗ Đình Hiếu - Phó Khoa Cơ khí chế tạo, bà Trần Thị Thu Ba - Phó Khoa Khoa học Cơ bản, ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng Khoa Điện điện tử).

- Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy lãnh đạo sau khi được kiện toàn tổ chức bộ máy của Trường

+ Thực hiện Quyết định số 509/QĐ-LĐTĐ ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ, Trường đã rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các phòng, khoa, trung tâm và đã bổ nhiệm, điều động, thôi giữ chức vụ đối với 18 trường hợp.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 7 kèm theo)

+ Ngày 16/4/2019, Trường báo cáo Bộ về việc thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo Quyết định số 509/QĐ-LĐTĐ (báo cáo số 31a/BC-CDQ).

+ Ngày 17/6/2019, Bộ ban hành Công văn số 2386/LĐTĐ-TCCB đề nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất tạm thời dừng việc triển khai toàn bộ các quyết định điều động, bổ nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đã ban hành trong quá trình thực hiện kiện toàn nhân sự đối với 18 trường hợp nêu trên, lý do: Chưa đảm bảo yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục theo quy định, đồng thời chưa có hướng dẫn chính thức của Bộ về trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ sau khi thực hiện hợp nhất, chia, tách, sáp nhập, giải thể.

+ Ngày 08/7/2019, Hiệu trưởng đã ban hành các Quyết định thu hồi đối với 18 trường hợp nêu trên, báo cáo Bộ về việc khắc phục kiện toàn cơ cấu nhân sự (báo cáo số 43/BC-CDQ ngày 08/7/2019) và xây dựng phương án số 02/PA-CDQ ngày 08/7/2019 về nhân sự lãnh đạo cấp phòng và tương đương sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy kèm theo Tờ trình số 26/TTr-CDQ ngày 08/7/2019 báo cáo Bộ đề nghị phê duyệt.

u

+ Ngày 18/7/2019, Bộ có Công văn số 2853/LĐT BXH giao Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, kiện toàn nhân sự theo cơ cấu tổ chức tại Quyết định số 509/QĐ-LĐT BXH ngày 10/4/2019 và hướng dẫn quy trình thực hiện.

+ Căn cứ Công văn số 2853/LĐT BXH ngày 18/7/2019, Trường thực hiện bổ nhiệm 02 trường hợp cấp trưởng phòng, khoa và tương đương; 02 trường hợp cấp phó trưởng phòng, khoa và tương đương.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 8 kèm theo)

+ Ngày 17/10/2019, Trường báo cáo Bộ về việc thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo Quyết định số 509/QĐ-LĐT BXH ngày 10/4/2019 (báo cáo số 57/BC-CDQ).

c) Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng

- Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được Trường thực hiện theo các bước sau:

+ Bước 1. Đơn vị trực thuộc hợp để xác định nhu cầu công việc, dự kiến công việc cần phân công cán bộ phụ trách, thống nhất đề xuất trình Hiệu trưởng (qua Phòng Tổ chức - Hành chính).

+ Bước 2. Phòng Tổ chức - Hành chính tập hợp nhu cầu bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị trực thuộc trình Ban giám hiệu.

+ Bước 3. Đảng ủy tổ chức họp để thảo luận và thống nhất chủ trương bổ nhiệm (Đảng ủy bỏ phiếu tín nhiệm thông qua chủ trương về nhân sự để thực hiện quy trình bổ nhiệm).

+ Bước 4. Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị nơi viên chức công tác.

+ Bước 5. Tổ chức Hội nghị liên tịch lấy phiếu tín nhiệm

+ Bước 6. Hoàn thiện hồ sơ trình Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

+ Bước 7. Công bố quyết định bổ nhiệm.

- Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền của Bộ được Trường thực hiện theo quy định.

d). Từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ của viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

Năm 2016: Cho thôi giữ chức vụ đối với 02 trường hợp theo nguyện vọng cá nhân (ông Nguyễn Lâm Phương - Phó trưởng Khoa Điện, điện tử và bà Trần Thị Ngân - Phó Ban Tuyển sinh việc làm).

2.5. Việc thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu

a) Thực hiện chế độ nghỉ hưu

- Từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2020, có 01 viên chức nghỉ hưu.

- Chế độ chính sách đối với người nghỉ hưu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện chế độ thôi việc

- Năm 2016: Không có trường hợp nào thôi việc.

ea

- Năm 2017: 02 trường hợp (01 lao động hợp đồng, 01 viên chức) nghỉ việc theo thỏa thuận do hết tuổi lao động và 01 viên chức nghỉ theo nguyện vọng cá nhân.

- Năm 2018: 03 trường hợp lao động hợp đồng chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân.

- Năm 2019: 04 trường hợp (02 viên chức và 02 hợp đồng lao động) thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.

- Năm 2020: 02 lao động hợp đồng chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận do hết tuổi lao động nhưng không đủ tuổi nghỉ hưu.

- Đã thực hiện chế độ trợ cấp thôi việc đối với các trường hợp làm việc trước khi tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp (từ 31/12/2008 trở về trước).

2.6. Việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động

Căn cứ Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-CDQ ngày 04/7/2018, hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và tiến hành tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động, cụ thể:

a) Trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại

- Đối với viên chức và người lao động: Tập thể nhận xét, đánh giá, sau đó Trường các đơn vị có trách nhiệm đánh giá, nhận xét, góp ý, phân loại viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý. Đối với cấp phó các đơn vị, cấp trưởng nhận xét bằng văn bản đề nghị Hiệu trưởng trực tiếp xem xét, quyết định đánh giá phân loại viên chức.

- Đối với Ban giám hiệu và Trường các đơn vị: Trường tổ chức họp cán bộ chủ chốt để nhận xét, đánh giá, lấy ý kiến xếp loại cho từng người, thành phần tham dự: Ban giám hiệu, đại diện Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn thanh niên và trưởng các đơn vị.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, nhận xét, Hiệu trưởng quyết định đánh giá, phân loại đối với các Phó hiệu trưởng, Trưởng các phòng, khoa, trung tâm.

- Thông báo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động gửi các đơn vị.

- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động gửi Bộ.

b) Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm

- Năm 2016: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 61 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 100 người, hoàn thành nhiệm vụ: 03 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 01 người, không đánh giá, phân loại: 01 người (làm việc dưới 02 tháng).

- Năm 2017: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 43 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 119 người, hoàn thành nhiệm vụ: 01 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 02 người, không đánh giá, phân loại: 03 người (làm việc dưới 6 tháng).

u

- Năm 2018: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 31 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 134 người, hoàn thành nhiệm vụ: 03 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 08 người, không đánh giá, phân loại: 08 người (làm việc dưới 06 tháng)

- Năm 2019: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 31 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 129 người, hoàn thành nhiệm vụ: 03 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 07 người, không đánh giá, phân loại: 03 người (làm việc dưới 6 tháng).

- Kiểm tra trực tiếp 13 bộ hồ sơ của viên chức (ông Lê Công Sơn, bà Trần Thị Thu Ba, bà Trần Thị Ngân, ông Phạm Trần Ngọc Bảo, ông Tạ Công Hiệu, ông Trần Minh Tiến, ông Phạm Quốc Bảo, ông Phạm Ngọc Đại, ông Trương Minh Tùng, ông Nguyễn Trung Kiên, ông Võ Văn Vui, ông Võ Thành Trung và ông Thân Thanh):

+ Phiếu đánh giá, phân loại viên chức đúng theo Mẫu số 04 -VC ban hành kèm theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và đã được lưu trong hồ sơ viên chức.

+ Tại mục IV (phần nhận xét, đánh giá ưu, nhược điểm) nội dung Phiếu đánh giá, phân loại viên chức chưa đúng theo Mẫu số 04 - VC ban hành kèm theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, người có trách nhiệm chưa ghi cụ thể ưu, nhược điểm đối với người được đánh giá, phân loại.

2.7. Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật viên chức, người lao động

a) Công tác thi đua, khen thưởng

- Đã ban hành Quy định công tác Thi đua - Khen thưởng kèm theo Quyết định số 251/QĐ-CDN ngày 22/11/2010 của Hiệu trưởng Trường, chưa sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013.

- Đã thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng theo Quyết định số 571/QĐ-CDN ngày 10/11/2015.

- Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch xét thi đua, khen thưởng để triển khai thực hiện (Kế hoạch số 11/KH-CDN ngày 01/11/2016, Kế hoạch số 67/KH-CDQ ngày 24/11/2017, Kế hoạch số 56/KH-CDQ ngày 26/11/2018, Kế hoạch số 57/KH-CDQ ngày 27/11/2019). Việc tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định.

- Kết quả công tác thi đua khen thưởng

+ Năm 2016

* Tập thể: Trường đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 10 tập thể lao động tiên tiến, 07 tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen.

* Cá nhân: 133 lao động tiên tiến, 01 chiến sĩ thi đua cấp bộ, 24 chiến sĩ thi đua cơ sở, 04 bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

+ Năm 2017

* Tập thể: Trường đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 09 tập thể lao động tiên tiến, 07 tập thể lao động xuất sắc.

tl

* Cá nhân: 135 lao động tiên tiến, 01 chiến sĩ thi đua cấp bộ, 24 chiến sĩ thi đua cơ sở, 09 bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

+ Năm 2018

* Tập thể: Trường đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 10 tập thể lao động tiên tiến, 06 tập thể lao động xuất sắc, 02 tập thể được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen.

* Cá nhân: 140 lao động tiên tiến, 01 chiến sĩ thi đua cấp bộ, 24 chiến sĩ thi đua cơ sở, 08 bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

+ Năm 2019

* Tập thể: Trường đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 05 tập thể lao động tiên tiến, 08 tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen.

* Cá nhân: 138 lao động tiên tiến, 01 chiến sĩ thi đua cấp bộ, 23 chiến sĩ thi đua cơ sở, 06 bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

b) *Kỷ luật viên chức, người lao động*

- Kỷ luật viên chức: Không phát sinh.

- Kỷ luật người lao động: Trong thời kỳ thanh tra, có 02 trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật, cụ thể:

+ Xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với ông Nguyễn Ngọc Tiên, giáo viên dạy thực hành lái xe làm việc theo hợp đồng lao động, lý do: Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ (có biên bản họp xét kỷ luật của Hội đồng ngày 18/6/2018, Quyết định xử lý kỷ luật số 279/QĐ-CDQ ngày 25/6/2018).

+ Xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải đối với ông Nguyễn Trọng Hoàng, giáo viên dạy thực hành lái xe làm việc theo hợp đồng lao động, lý do: Vi phạm các quy tắc đạo đức nghề nghiệp nhà giáo gây ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích của Nhà trường (có biên bản họp xét kỷ luật của Hội đồng ngày 10/7/2017, Quyết định xử lý kỷ luật số 304/QĐ-CDQ ngày 18/7/2017).

- Trường chưa xây dựng nội quy lao động.

3. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị; các nội quy, quy chế áp dụng trong đơn vị

3.1. Xây dựng và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở

- Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở áp dụng từ năm 2016 đến nay gồm: Quy chế dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 238/QĐ-CDN ngày 16/6/2014 và Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 680/QĐ-CDQ ngày 12/11/2018. Các quy chế được lấy ý kiến các phòng, khoa, đơn vị trong Trường trước khi ban hành.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở do Trường ban hành: chưa nêu rõ những việc công chức, viên chức, người lao động được tham gia ý kiến, được giám sát, kiểm tra; quy định chưa đủ những nội dung thuộc trách nhiệm của người đứng đầu, những nội dung phải công khai.

th

3.2. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu

Hiệu trưởng là người đứng đầu đơn vị đã thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị ở nội dung: Tổ chức họp giao ban hàng tháng; tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm đối với viên chức, người lao động theo quy định; tổ chức công khai kết quả hoạt động, kế hoạch hoạt động, tài chính tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm.

3.3. Các hình thức và nội dung thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị

- Đã ban hành Quy chế dân chủ tại đơn vị, Quy chế đã được phổ biến, sao gửi cho các phòng, khoa, đơn vị trong Trường để thực hiện và giám sát.

- Một số hoạt động của Trường chưa được công khai như: tuyển dụng người làm việc theo hợp đồng lao động năm 2020 (02 bảo vệ, 01 tạp vụ); bổ nhiệm, điều động, cho thôi giữ chức vụ khi Trường được kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định 509/QĐ-LĐTĐ ngày 10/4/2019 của Bộ.

- Hàng năm, Trường cùng Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để đánh giá kết quả hoạt động của Trường, hoạt động Công đoàn, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và triển khai nhiệm vụ, phương hướng năm kế tiếp.

- Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm thực hiện việc giám sát hàng năm nhưng không xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; không tổ chức kiểm tra, giám sát hàng năm.

- Tổ chức họp giao ban hàng tháng để triển khai nhiệm vụ, công việc, thành phần gồm Ban giám hiệu; Lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm thuộc Trường. Việc họp giao ban hàng tháng và đột xuất đã ghi vào sổ lưu tại Phòng Tổ chức - Hành chính.

3.4. Các nội quy, quy chế khác được xây dựng và áp dụng tại đơn vị

a) Đã ban hành các nội quy, quy chế để áp dụng tại đơn vị.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 09 kèm theo)

b) Tại thời điểm thanh tra, Trường chưa ban hành 04 quy định, quy chế hoạt động, cụ thể:

- Quy định chế độ làm việc của của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
- Quy định các biểu mẫu dùng trong quản lý đào tạo.
- Quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.
- Quy chế tổ chức và hoạt động.

c) Một số quy chế, quy định chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc nội dung chưa đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- Chưa sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng 2013.

- Quy chế tổ chức và đào tạo:

+ Chỉ quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng, chưa quy định về tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.



+ Chưa quy định một số nội dung về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể: Quy định về thời gian giảng dạy của trường (số ca học/ngày, thời gian đào tạo của từng ca học,...); quy định việc học cùng lúc hai chương trình đào tạo; quy định việc nghỉ học tạm thời của người học; quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học của các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; quy định về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học và quyết định việc điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học và tự thôi học của người học.

- Chưa cập nhật sửa đổi Quy định về quản lý, sử dụng văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.

- Quy chế tuyển sinh còn thiếu một số nội dung: Ngành, nghề đào tạo; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; kỷ luật.

4. Thực hiện chế độ, chính sách

4.1. Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động

a) Chế độ làm việc

- Chế độ làm việc đối với nhà giáo được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020.

- Đối với khối hành chính: Thực hiện chế độ làm việc theo giờ hành chính, 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần.

b) Chế độ trả lương

- Thực hiện chi trả tiền lương cho công chức, viên chức theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Đối với người lao động, trả theo mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định (mức cụ thể được đưa ra tại cuộc họp cán bộ chủ chốt để thảo luận và thống nhất tại). Tại thời điểm thanh tra, mức lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thang lương, bảng lương để áp dụng cho lao động hợp đồng tại Trường.

- Hình thức trả lương: Trả lương theo thời gian và được trả trực tiếp vào tài khoản của công chức, viên chức, người lao động.

- Thời hạn trả lương: Trả lương cho công chức, viên chức, người lao động trong thời gian từ ngày 12 đến ngày 30 hàng tháng. Tại thời điểm thanh tra, Trường đã thanh toán tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động đến hết tháng 5/2020.

- Mức tiền lương, tiền công tính tại thời điểm thanh tra: Cao nhất là 12.880.710 đồng/người/tháng, bình quân là 6.479.957 đồng/người/tháng, thấp nhất là 4.000.000 đồng/người/tháng.

ra

c) Các khoản phụ cấp

- Phụ cấp chức vụ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Phụ cấp ưu đãi nhà giáo:

+ Từ năm 2016 đến tháng 11/2019: Thực hiện theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mức hưởng là 70%.

+ Từ ngày 01/12/2019 đến thời điểm thanh tra, Trường thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở công lập và Thông tư Liên tịch số 01/2006/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, mức hưởng 30% đối với nhà giáo, giảng viên kiêm chức, 40% đối với nhà giáo dạy môn chính trị.

+ Kết quả chi trả: Năm 2016: 120 người, năm 2017: 129 người, năm 2018: 135 người, năm 2019: 128 người, đến tháng 5 năm 2020: 133 người.

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Thực hiện theo đúng quy định. Năm 2017: 83 người, năm 2018: 83 người, năm 2019: 79 người, đến tháng 5 năm 2020: 80 người.

- Phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm: Thực hiện theo đúng quy định.

d) Thực hiện xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên

- Thành lập Hội đồng lương theo Quyết định số 199/QĐ-CDN ngày 19/6/2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ nghệ Dung Quất.

- Việc xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên được thực hiện theo quy định. Năm 2016: 20 người, năm 2017: 33 người, năm 2018: 32 người, năm 2019: 23 người.

đ) Nâng bậc lương trước thời hạn

Việc nâng bậc lương trước thời hạn được áp dụng đối với công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nâng lương cho công chức viên chức trước khi nghỉ hưu. Năm 2016: 02 người; năm 2017: 09 người; năm 2018: 06 người; năm 2019: 02 người.

e) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Tại thời điểm thanh tra, theo thông báo của Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi ngày 28/5/2020, Trường đang nợ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là: 404.260.707 đồng..

Qua xác minh bằng công văn về việc đóng bảo hiểm xã hội của Trường tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi cho thấy: Từ tháng 01/2018, Trường không đóng liên tục theo tháng, có những tháng không đóng, cụ thể: tháng 1, 2 năm

ca

2018, tháng 2, 5, 11 năm 2019 dẫn đến việc phải trả lãi chậm đóng. Việc đóng thiếu dẫn đến nợ hàng tháng phát sinh từ trước tháng 01/2018. Trường vẫn trích đóng từ lương của công chức, viên chức, người lao động hàng tháng.

g) Xét hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi khác

Theo quy chế chi tiêu nội bộ, Trường đang chi trả phụ cấp ưu đãi cho cán bộ, viên chức khối quản lý hành chính và hỗ trợ cho người lao động, cụ thể:

- Cán bộ, viên chức khối quản lý hành chính (19 người) được hưởng mức phụ cấp ưu đãi hàng tháng, hệ số phụ cấp là 30% mức lương hiện hưởng và 14 người ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (bảo vệ, lái xe, tạp vụ) được hỗ trợ 150.000đ/người/tháng theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 804/QĐ-CDQ ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường.

- Từ tháng 02 năm 2020: Cán bộ, viên chức khối quản lý hành chính được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nhà giáo hàng tháng, hệ số phụ cấp là 15% mức lương hiện hưởng theo Quyết định số 30/QĐ-CDQ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc Ban hành bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ của Hiệu trưởng Trường.

h) Các chế độ, chính sách khác: Khen thưởng, phúc lợi xã hội thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hàng năm.

4.2. Thực hiện chế độ, chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên

a) Tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ

- Hàng năm, đã tổ chức hướng dẫn học sinh, sinh viên thủ tục, trình tự nộp hồ sơ hưởng chế độ, chính sách nội trú theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của liên Bộ LĐĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC) hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp (sau đây gọi tắt là Quyết định 53/2015/QĐ-TTg).

- Năm 2020, đang tiếp nhận hồ sơ của học sinh, sinh viên để thẩm định, lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện hưởng.

b) Thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của học sinh, sinh viên, đối chiếu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC, Trường tổng hợp và lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định.

c) Lập dự toán kinh phí học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác

Trong 03 năm (2017 - 2019), đã xây dựng dự toán kinh phí gửi Bộ để thẩm định, tổng hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC, trong dự toán kinh phí đã nêu cụ thể số lượng theo từng diện đối tượng được hưởng.

ca

d) *Giao dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên*

Trong 05 năm (2016 - 2020), Bộ đã giao dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học là 2.322.440.000 đồng (hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn), cụ thể:

- Năm 2016: 59.008.000 đồng (Quyết định số 1852/QĐ-LĐTBXH ngày 20/11/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 (bổ sung).

- Năm 2017: 123.432.000 đồng (Quyết định số 1852/QĐ-LĐTBXH ngày 20/11/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 (bổ sung).

- Năm 2018: 190.000.000 đồng (Quyết định số 2093/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018).

- Năm 2019: 250.000.000 đồng (Quyết định số 1881/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019).

- Năm 2020: 1.700.000.000 đồng (Quyết định số 2011/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020).

đ) *Hồ sơ đề nghị cấp chính sách nội trú*

Kiểm tra 161/161 hồ sơ đề nghị cấp chính sách nội trú của học sinh, sinh viên theo học trình độ trung cấp, cao đẳng từ năm 2016 đến năm 2019 (Cụ thể nêu tại phụ lục số 10 kèm theo), kết quả:

- Về đối tượng: 143 học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số; 18 học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh.

- Về đơn đề nghị cấp chính sách nội trú: 159 học sinh, sinh viên có đơn đề nghị; 02 học sinh, sinh viên không có đơn đề nghị.

- Về bản sao giấy khai sinh (không áp dụng kể từ ngày 30/10/2018): 142 học sinh, sinh viên có bản sao giấy khai sinh.

- Về giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (người học phải nộp hàng năm):

+ Có 122 lượt học sinh, sinh viên có giấy chứng nhận hộ nghèo; 74 lượt người học có giấy chứng nhận hộ cận nghèo.

+ Có 44 lượt người học chỉ có xác nhận hộ nghèo và 30 lượt người học chỉ có xác nhận hộ cận nghèo.

- Có 01 sinh viên là người dân tộc thiểu số có giấy xác nhận là người khuyết tật.

- Về bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trường dân tộc nội trú: 50 người học có bằng tốt nghiệp trường dân tộc nội trú hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trường dân tộc nội trú (20 người học có bằng tốt nghiệp, 30 người học có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời), trong đó có 13

u

học sinh, sinh viên có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đã hết thời hạn nhưng chưa bổ sung bản sao bằng tốt nghiệp.

- Về sổ hộ khẩu: 04 học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có bản sao sổ hộ khẩu.

e) Kết quả thực hiện chính sách nội trú

- Trường đã ban hành 04 quyết định để cấp chính sách nội trú đối với 125 học sinh, sinh viên (112 sinh viên học trình độ cao đẳng, 13 học sinh học trình độ trung cấp) với số tiền là 2.322.084.800 đồng, cụ thể:

* Năm 2017: Số học sinh, sinh viên được chi trả là 13 người (12 sinh viên học trình độ cao đẳng, 01 học sinh học trình độ trung cấp), số tiền là: 182.440.000 đồng.

* Năm 2018: Số học sinh, sinh viên được chi trả là 33 người (29 sinh viên học trình độ cao đẳng, 02 học sinh học trình độ trung cấp), số tiền là: 189.960.000 đồng.

* Năm 2019: Số học sinh, sinh viên được chi trả là 21 sinh viên học trình độ cao đẳng, số tiền là: 249.748.000 đồng.

* Năm 2020: Số học sinh, sinh viên được chi trả là 111 người (99 sinh viên học trình độ cao đẳng, 12 học sinh học trình độ trung cấp), số tiền là: 1.699.936.000 đồng.

+ Tại thời điểm thanh tra, Trường đã chi trả 2.038.148.800 đồng; chưa chi trả 283.936.000 đồng, lý do: học sinh, sinh viên chưa đến nhận.

(Cụ thể nêu tại phụ lục số 11 kèm theo)

- Chưa lập danh sách chi trả đối với 36 học sinh, sinh viên, nguyên nhân: Học sinh, sinh viên mới nhập học trong năm 2019.

g) Về thời gian chi trả

- Cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên chậm theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BTC, nguyên nhân:

+ Hàng năm, do nguồn ngân sách nhà nước cấp kinh phí không đủ, nên Trường không chi trả hết cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng, do đó Trường đã chi trả cho một số học sinh, sinh viên theo nguyên tắc người nhập học trước chi trả trước.

+ Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 11671/BTC-HCSN ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 của Bộ LĐTBXH, trong đó có nội dung chưa áp dụng chính sách giảm nghèo cho đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập và hộ nghèo theo tiêu chí tiếp cận các dịch vụ cơ bản, do đó toàn bộ đối tượng thuộc hộ nghèo chưa được chi trả từ năm 2016 đến năm 2019.

- Tại thời điểm thanh tra, với nguồn kinh phí được cấp trong năm 2020, Trường đã chi trả chính sách cho học sinh, sinh viên đến hết tháng 4/2019 (trong đó đã có đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo).

u

II. Về công tác quản lý tài chính, tài sản

1. Quản lý tài chính (từ 01/01/2016 đến 30/4/2020)

1.1. Các khoản thu

a) Kiểm tra, xác minh trên báo cáo tài chính từ năm 2016 (Cụ thể nêu tại phụ lục số 12 kèm theo).

b) Một số khoản thu Trường thực hiện như sau:

- Khoản thu học phí đối với sinh viên đi đã được Trường phê duyệt cho tạm nghỉ học, bảo lưu kết quả để đi nước ngoài.

Trước khi được phê duyệt cho tạm nghỉ học, bảo lưu kết quả, Trường đã thực hiện thu hết học phí đối với toàn bộ thời gian học tập theo chương trình đào tạo (2 năm hoặc 3 năm). Số học phí thu được, Nhà trường hạch toán toàn bộ vào doanh thu thực hiện trong kỳ.

- Khoản thu học phí hoạt động thi lại, học lại; thu học phí đào tạo lái xe:

+ Cán bộ, giảng viên thuộc các khoa thu học phí thi lại, học lại từ sinh viên; cán bộ thuộc Trung tâm đào tạo lái xe thu học phí đào tạo lái xe từ học viên học lái xe. Trường không ban hành quy định về việc giao cán bộ, giảng viên thu học phí; đồng thời, không có quy định về quản lý, sử dụng số tiền học phí thu được.

+ Phòng Kế toán - Tài vụ thực hiện thu tiền học phí thi lại, học lại và học phí đào tạo lái xe từ cán bộ, giảng viên trong Trường; chứng từ gốc (lưu tại Phòng Kế toán - Tài vụ) làm cơ sở thu, hạch toán là danh sách học sinh, sinh viên (không có chữ ký người nộp).

- Thu tiền từ học viên học lái xe là bộ đội xuất ngũ

Năm 2017, Trường thực hiện thu 160.400.000 đồng từ 19 học viên lái xe là bộ đội xuất ngũ (đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định số 161/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm).

1.2. Các khoản chi

a) Kiểm tra, xác minh trên báo cáo tài chính từ năm 2016 (Cụ thể nêu tại phụ lục số 13 kèm theo).

b) Một số khoản chi Trường thực hiện như sau:

- Chi thực hiện chế độ miễn học phí học nghề đối với bộ đội xuất ngũ:

+ Ngày 22/02/2019, Trường chi 160.400.000 đồng cho bà Lê Thoại Vi (cán bộ Trung tâm đào tạo lái xe) để thực hiện chi trả cho 19 học viên là bộ đội xuất ngũ (Trường đã thực hiện thu tiền từ 19 học viên này vào năm 2017).

+ Ngày 22/02/2019, Trường chi 57.200.000 đồng cho bà Lê Thoại Vi (cán bộ Trung tâm đào tạo lái xe); ngày 05/7/2019, bà Lê Thoại Vi nộp lại Trường, Trường hạch toán trừ vào số tiền phải thanh quyết toán với Nhà nước (9 học

viên do Trường đã đào tạo năm 2016 chưa được Nhà nước thanh quyết toán, số tiền là 57.200.000 đồng).

- Chi mua nhiên liệu phục vụ đào tạo lái xe:

+ Căn cứ giấy đề nghị thanh toán do bà Lê Thoại Vi cán bộ Trung tâm đào tạo lái xe lập, hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), bảng kê số lượng nhiên liệu theo mức khoán tương ứng với số lượng học viên: Trường thanh toán bằng chuyển khoản cho người bán là Công ty TNHH MTV Thương mại xăng dầu Thanh Hương.

+ Hồ sơ thanh toán không có tài liệu xác định số nhiên liệu giáo viên thực nhận từ cây xăng; Trường quy định "*Căn cứ vào số lượng học viên thực tế được phân công theo xe tập lái, Trung tâm giao khoán cấp nhiên liệu và dầu nhớt theo định mức cho giáo viên*" tại quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định số 91/QĐ-CDQ ngày 22/2/2019 của Trường về việc phê duyệt dự toán thu - chi của Trung tâm Đào tạo lái xe và Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ năm 2019.

Qua xác minh trực tiếp 02 nhân viên là giáo viên thuộc Trung tâm đào tạo lái xe, cho biết: Số thực tế tiêu hao nhiên liệu hàng tháng thấp hơn định mức giao khoán cấp nhiên liệu theo quy định của Nhà trường, tuy nhiên, 02 nhân viên xác nhận ký thanh toán theo đúng định mức Nhà trường quy định.

1.3. Trích lập và sử dụng các quỹ

- Kiểm tra, xác minh trên báo cáo tài chính từ năm 2016, Trường thực hiện trích lập các quỹ như sau:

Stt	Các quỹ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Quỹ khen thưởng	71.300.000	101.441.400	49.000.000	110.000.000
2	Quỹ phúc lợi	613.839.440	787.511.540	889.445.057	804.231.000
3	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	0	23.798.100	0	
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.877.520.386	1.731.924.906	1.288.602.120	1.313.981.790

- Trường thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập và các hướng dẫn, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, phê duyệt thẩm tra quyết toán hàng năm của Bộ LĐTĐ; sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ.

1.4. Kế khai, quyết toán thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng

a) Kiểm tra, xác minh trên báo cáo tài chính từ năm 2016, số thuế còn phải nộp như sau:

th

Stt	Loại thuế	Phải nộp 31/12/2016	Phải nộp 31/12/2017	Phải nộp 31/12/2018	Phải nộp 31/12/2019
1	Thuế Thu nhập DN	298.182.356	422.638.237	513.991.038	416.703.292
2	Thuế GTGT	-21.912.795	-18.640.071	-18.640.071	4.072.724
3	Thuế TNCN	0	0	5.032.000	8.210.000

b) Kết quả kiểm tra xác minh chi tiết

- Đối với thuế thu nhập cá nhân: Trường không thực hiện kê khai thu nhập khi xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với các khoản thu nhập sau: thu từ thi lại, học lại; thu ra đề, coi thi, chấm thi, phụ cấp kiêm nhiệm (thành viên Ban Quản lý dự án).

- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp: Số thuế phải nộp 01/01/2019 là 416.703.292 đồng, ngày 31/01/2019 nộp 330.000.000 đồng, ngày 13/5/2019 nộp 18.640.071 đồng, ngày 18/10/2019 nộp 91.881.344 đồng, ngày 31/12/2019 xác định số phải nộp năm 2019 là 361.873.000 đồng.

1.5. Công nợ phải thu, phải trả

a) Kiểm tra, xác minh trên báo cáo tài chính, số công nợ phải thu, phải trả như sau:

- Công nợ phải thu, phải trả đến 31/12/2019 như sau:

+ Số dư công nợ phải thu khách hàng (TK131) là 7.611.961.000 đồng.

+ Số công nợ còn phải trả khách hàng (TK331) là 4.235.388.370 đồng.

+ Số dư tạm ứng (TK141) là 153.174.000 đồng.

- Số dư công nợ phải thu đến 30/4/2020 (TK131) là 466.201.000 đồng.

b) Đối với công nợ phải thu: Số tiền lớn là phải thu từ cá nhân thuộc Trung tâm Đào tạo lái xe, do thu tiền học phí của học sinh nhưng không thực hiện nộp ngay tiền mặt thu được về Trường.

1.6. Việc chấp hành pháp luật về kế toán, chế độ kế toán

- Từ niên độ kế toán 2018, Trường thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Việc thu học phí học lại, thu học phí đào tạo lái xe: Trường giao cá nhân thu, học sinh không thực hiện nộp trực tiếp cho trường, không có quy định về việc gắn trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền học phí thu trực tiếp từ học sinh. Các cá nhân thu tiền từ học sinh, khi nộp tiền về quỹ Trường, Phòng Kế toán - Tài vụ lập phiếu thu không kèm chứng từ gốc có xác nhận nộp của học sinh.

- Quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014, Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018. Trường chưa có phương án phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định, chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung cho hoạt động dịch vụ để hạch toán đúng, đủ cho từng hoạt động.

re

2. Quản lý sử dụng tài sản

2.1. Công tác xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất

Kiểm tra, xác minh trên cơ sở báo cáo, tài liệu, hồ sơ Trường cung cấp, kết quả thực hiện công tác xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất cụ thể nêu tại phụ lục số 14 kèm theo.

2.2. Mua sắm tài sản, thiết bị dạy nghề

Kiểm tra, xác minh trên cơ sở báo cáo, tài liệu, hồ sơ Trường cung cấp, kết quả thực hiện mua sắm tài sản, thiết bị dạy nghề cụ thể nêu tại phụ lục số 15 kèm theo.

2.3. Việc theo dõi tăng, giảm tài sản, trang thiết bị; thanh lý tài sản, trang thiết bị; lập sổ và kiểm kê tài sản, trang thiết bị

Trường mở sổ theo dõi tăng/giảm tài sản, thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ, tài liệu được lưu trữ đầy đủ.

III. Tình hình tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Năm 2016, 2017, 2018, 2019: Không phát sinh vụ việc khiếu nại, tố cáo.

2. Trong 5 tháng đầu năm 2020: Tiếp nhận 01 đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị Minh Trúc, công tác tại Khoa Khoa học cơ bản. Quá trình xem xét, giải quyết đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị Minh Trúc, như sau:

2.1. Ngày 03/3/2020, bà Trúc có đơn kiến nghị gửi Đảng ủy, Ban giám hiệu, Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân và Phòng Tổ chức - Hành chính Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất đề nghị 02 nội dung:

- Đề nghị được cung cấp bản báo cáo của Khoa Khoa học cơ bản về bản thân cá nhân bà Trúc.

- Đề nghị được làm việc với Lãnh đạo Nhà trường để giải trình về các nội dung trong báo cáo của Khoa Khoa học cơ bản về bản thân cá nhân bà Trúc.

2.2. Ngày 05/3/2020, Khoa Khoa học cơ bản đã tổ chức họp để xem xét đơn kiến nghị của bà Trúc, thành phần: Đại diện Ban giám hiệu (chủ trì cuộc họp); tập thể cán bộ, giáo viên Khoa Khoa học cơ bản và đại diện Phòng Tổ chức - Hành chính.

2.3. Ngày 27/3/2020, bà Trúc có đơn yêu cầu giải quyết sự việc gửi Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

2.4. Ngày 20/4/2020, Hiệu trưởng Trường đã chủ trì tổ chức cuộc họp giải quyết nội dung đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị Minh Trúc và đã thông báo kết quả xử lý nội dung đơn kiến nghị đến cá nhân có liên quan.

C. KẾT LUẬN

I. Những nhiệm vụ đã được Trường thực hiện

1. Đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 978/QĐ-LĐTB&XH ngày 01/7/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2. Bố trí, sắp xếp vị trí việc làm tương ứng với bản mô tả công việc đã được phê duyệt và sau khi kiện toàn bộ máy theo Quyết định số 509/QĐ-LĐTBXH ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3. Hàng năm, đã rà soát xây dựng phương án chuyển chức danh nghề nghiệp và đã được Bộ đồng ý chủ trương và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo quy định.

4. Đã rà soát xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 2017 - 2021 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2021- 2026.

5. Đã thực hiện các chế độ cho viên chức, người lao động thôi việc, nghỉ hưu theo quy định.

6. Tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng năm; thẩm quyền đánh giá, phân loại viên chức, người lao động theo quy định; có thông báo kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động; phiếu đánh giá, phân loại viên chức, người lao động được lưu vào hồ sơ công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

7. Đã thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng để bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm; hướng dẫn cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

8. Đã ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở kèm theo Quyết định số 238/QĐ-CDN ngày 16/6/2014 và Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường kèm theo Quyết định số 680/QĐ-CDQ ngày 12/11/2018. Quy chế được lấy ý kiến các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc trước khi ban hành và được phổ biến, sao gửi cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động thực hiện và giám sát.

9. Hàng năm đã tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động để đánh giá kết quả hoạt động của Trường, hoạt động Công đoàn, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và triển khai nhiệm vụ, phương hướng năm kế tiếp; Hiệu trưởng đã tổ chức họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp đột xuất để thảo luận và triển khai nhiệm vụ.

10. Đã ban hành các quy chế, quy định để áp dụng tại Trường.

11. Đã thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương cho công chức, viên chức; trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

12. Thực hiện đầy đủ các khoản phụ cấp cho công chức, viên chức, người lao động: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp ưu đãi nhà giáo, phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm theo quy định của pháp luật.

13. Đã thành lập Hội đồng lương theo Quyết định số 199/QĐ-CDN ngày 19/6/2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ nghệ Dung Quất; thực hiện xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 51/QĐ- LĐTBXH về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương

u

thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

14. Đã cơ bản thực hiện chế độ, chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

15. Đã tiếp nhận và xử lý đơn thư kiến nghị của viên chức, người lao động trong đơn vị.

16. Đã trích lập, sử dụng các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và các hướng dẫn, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, phê duyệt thẩm tra quyết toán hàng năm của Bộ LĐTBXH.

17. Đã mở sổ theo dõi tăng/giảm tài sản, thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ, tài liệu được lưu trữ đầy đủ.

II. Những nhiệm vụ chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

1. Về tổ chức bộ máy

Chưa kiện toàn Hội đồng trường theo Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về Điều lệ trường cao đẳng.

2. Về tổ chức cán bộ

2.1. Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2018 của Trường đã công nhận danh sách 07 thí sinh đủ điều kiện vòng kiểm tra hồ sơ để vào vòng kiểm tra, sát hạch trình độ chuyên môn, trong đó có 05 người không đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 22 Luật viên chức, Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

2.2. Áp dụng thời gian thử việc 30 ngày đối với công việc tạp vụ và 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp trình độ chuyên môn công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ (dạy lái xe thực hành) là chưa đúng quy định tại Điều 27 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội dung các bản hợp đồng lao động ký với người lao động: Tại mục công việc phải làm ghi "thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trường đơn vị sử dụng/Trường Khoa và Hiệu trưởng" là chưa đúng quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

2.4. Chưa thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng làm việc khi thay đổi nội dung công việc của vị trí việc làm mới đối với viên chức, người lao động theo quy định tại Điều 32 Luật Viên chức.

2.5. Chưa rà soát thực hiện thay đổi chức danh nghề nghiệp/ngạch tương ứng với vị trí việc làm đối với các trường hợp thay đổi vị trí việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Viên chức.



2.6. Tuyển dụng và ký hợp đồng lao động đối với vị trí công việc chuyên môn không thuộc danh mục được ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-PC ngày 17/11/2000 của Chính phủ và Thông tư 15/2001/TT-BTCCBCP ngày 11/4/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 68/2000/NĐ-CP như: Giáo viên dạy cơ khí động lực, nhân viên quản lý đào tạo (tuyển dụng năm 2017), giáo viên dạy cơ khí (tuyển dụng năm 2016).

2.7. Điều động, bổ nhiệm, cho thôi giữ chức vụ trong quá trình thực hiện kiện toàn nhân sự theo Quyết định số 509/QĐ-LĐTĐ ngày 10/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ đối với 18 trường hợp chưa đảm bảo về yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục theo quy định của Luật viên chức. Sau khi Bộ chỉ đạo chấn chỉnh, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định hủy 18 Quyết định này.

2.8. Chưa ghi cụ thể ưu, nhược điểm đối với người được đánh giá, phân loại trong Phiếu đánh giá, phân loại viên chức hàng năm là chưa đúng theo Mẫu số 04 - VC ban hành kèm theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

2.9. Xử lý kỷ luật 02 trường hợp người lao động (ông Nguyễn Ngọc Tiên và ông Nguyễn Trọng Hoàng) bằng hình thức cảnh cáo và sa thải khi chưa xây dựng nội quy lao động theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Lao động; hình thức xử lý kỷ luật lao động là cảnh cáo chưa đúng theo quy định tại Điều 125, 126 Bộ luật Lao động.

3. Về thực hiện quy chế dân chủ và các quy chế, quy định khác

3.1. Quy chế dân chủ ở cơ sở do Trường ban hành chưa bám sát quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, thụ thể: chưa nêu rõ những việc công chức, viên chức, người lao động được tham gia ý kiến, được giám sát, kiểm tra; quy định chưa đủ những nội dung thuộc trách nhiệm của người đứng đầu, những nội dung phải công khai.

3.2. Một số hoạt động của Trường chưa được công khai theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập: tuyển dụng người làm việc theo hợp đồng lao động năm 2020; bổ nhiệm, điều động, cho thôi giữ chức vụ khi Trường được kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định 509/QĐ-LĐTĐ ngày 10/4/2019 của Bộ về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất.

3.3. Ban thanh tra nhân dân không xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; không thực hiện việc kiểm tra, giám sát hàng năm theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31 Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

3.4. Chưa ban hành các quy định, quy chế hoạt động, cụ thể:

3.4.1. Chưa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

u

3.4.2. Quy định chế độ làm việc của của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3.4.3. Quy định các biểu mẫu dùng trong quản lý đào tạo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3.5. Một số quy chế, quy định chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc nội dung chưa đảm bảo theo quy định, cụ thể:

3.5.1. Chưa sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 08/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3.5.2. Quy chế tổ chức và đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 339/QĐ-CDQ ngày 17/8/2017 còn một số thiếu sót:

a) Chỉ quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng, chưa quy định đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

b) Chưa quy định một số nội dung về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể:

- Thời gian giảng dạy của trường (số ca học/ngày, thời gian đào tạo của từng ca học) theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Việc học cùng lúc hai chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Việc nghỉ học tạm thời của người học theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học của các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của người học và quyết định việc điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học và tự thôi học của người học theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

c) Chưa quy định việc tổ chức và đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3.6. Chưa cập nhật sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

3.7. Quy chế tuyển sinh của Trường còn thiếu một số nội dung về ngành, nghề đào tạo; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; kỷ luật theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

4. Việc thực hiện chế độ đối với viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên

4.1. Chưa xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 7 Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ để áp dụng đối với người được tuyển dụng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

4.2. Chưa đóng bảo hiểm xã hội theo tháng (có những tháng không đóng) dẫn đến việc tại thời điểm thanh tra còn tồn đọng số tiền là 404.260.707 đồng là chưa đúng quy định tại Điều 85, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 57 Luật Việc làm, Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

4.3. Ký hợp đồng lao động có thời hạn 2 tháng đối với người lao động nhưng không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là không đúng quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

4.4. Chi trả phụ cấp ưu đãi cho 19 cán bộ, viên chức khối quản lý hành chính mức 30% mức lương hiện hưởng, từ ngày 01/02/2020 là 15% mức lương hiện hưởng là chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ, Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 01/2006/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

4.5. Hồ sơ cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên còn một số nội dung chưa đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- 02 học sinh, sinh viên không có đơn đề nghị cấp chính sách nội trú là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

- 74 lượt học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số chỉ có xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo mà không có giấy chứng nhận hộ nghèo là chưa đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời của trường dân tộc nội trú cấp cho 13 học sinh, sinh viên đã hết thời hạn nhưng chưa bổ sung bản sao bằng tốt



nghiệp là chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- 04 học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu bản sao sổ hộ khẩu là chưa đúng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC.

4.6. Thời gian cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC.

5. Về quản lý và sử dụng tài chính

5.1. Thu tiền học phí cả chương trình học đối với học sinh, sinh viên được Trường phê duyệt tạm nghỉ học bảo lưu kết quả để đi thực tập sinh ở nước ngoài là không đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

5.2. Thu học phí nhưng không tổ chức đào tạo ngay (sẽ đào tạo sau thời gian sinh viên tạm nghỉ 01 năm và nếu sinh viên có nhu cầu), đồng thời hạch toán toàn bộ số tiền thu được vào doanh thu trong kỳ là chưa đúng quy định tại Điều 6 Luật Kế toán năm 2015 (do không có hoạt động đào tạo tương ứng trong kỳ).

5.3. Giao cho cán bộ, giảng viên trực tiếp thu học phí (nhưng không có quy định giao nhiệm vụ thu); các khoản thu không nộp ngay về quỹ, không hạch toán ngay vào sổ sách kế toán của Trường là không đúng quy định tại Điều 13 Luật Kế toán năm 2015.

5.4. Thu 160.400.000 đồng từ 19 học viên lái xe là bộ đội xuất ngũ (đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự) là không đúng theo quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 của Bộ LĐTBXH.

5.5. Chi tiền mặt cho nhân viên Trung tâm đào tạo lái xe để chi trả lại tiền đã thu học phí học nghề cho học viên là bộ đội xuất ngũ với số tiền là 160.400.000 đồng, nhưng danh sách ký nhận tiền thiếu cơ sở xác định người nhận (ký nhận thay, chữ ký không trùng hồ sơ bộ đội xuất ngũ).

5.6. Chi tiền mặt cho nhân viên Trung tâm đào tạo lái xe để thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề năm 2016 (số tiền 57.200.000 đồng), không qua bộ phận chức năng, mà không có văn bản quy định hoặc giao.

5.7. Quy định việc giao khoán cấp nhiên liệu theo định mức cho giáo viên tại Quy chế chi tiêu nội bộ, tuy nhiên hồ sơ thanh toán không có cơ sở xác định mức nhiên liệu mỗi giáo viên thực nhận, không có đối chiếu giữa đơn vị cấp nhiên liệu với Trường là hành vi thiếu trách nhiệm trong quản lý có thể dẫn đến khả năng gây thất thoát tiền mua nhiên liệu.

5.8. Trường xác định thu nhập tính thuế thu nhập cá nhân không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công (thu từ thi lại, học lại; thu



ra đề, coi thi, chấm thi, phụ cấp kiêm nhiệm) của người công chức, viên chức, người lao động lao động nhận được là không đúng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

5.9. Buông lỏng quản lý tài chính dẫn đến công nợ phải thu lớn (nợ tại thời điểm 31/12/2019 là 7.611.961.000 đồng; nợ tại thời điểm 30/4/2020 là 466.201.000 đồng), phần lớn do chưa thu được tiền từ việc giao giáo viên thu học phí học viên học lái xe tại Trung tâm Đào tạo lái xe.

5.10. Chưa xây dựng phương án phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định, chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung cho hoạt động dịch vụ để hạch toán đúng, đủ cho từng hoạt động theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

D. KIẾN NGHỊ

Từ những thiếu sót trên, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kiến nghị xử lý trách nhiệm như sau:

1. Kiến nghị Bộ trưởng kiểm điểm trách nhiệm và xử lý kỷ luật Hiệu trưởng Trường vì những vi phạm sau:

- Chưa thực hiện hết trách nhiệm của người đứng đầu dẫn đến các sai phạm nêu tại khoản 2, 3, 4 mục II phần C Kết luận này.

- Thiếu trách nhiệm trong việc quản lý tài chính của Trường dẫn đến nguy cơ gây thất thoát tài chính, để viên chức và người lao động có cơ hội sử dụng không đúng quy định khoản thu của Trường, chiếm dụng tiền của người học, cụ thể các sai phạm nêu tại khoản 5 mục II phần C Kết luận này..

2. Kiến nghị Bộ trưởng kiểm điểm trách nhiệm và xử lý kỷ luật Kế toán trưởng của Trường vì những vi phạm về quản lý sử dụng tài chính nêu tại khoản 5 mục II phần C Kết luận này.

3. Yêu cầu Hiệu trưởng Trường tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc để xảy ra các sai phạm nêu tại mục II phần C Kết luận này và khắc phục các sai phạm như sau:

3.1. Đối với sai phạm số 5.1, 5.2 khoản 5 mục II phần C

Thực hiện việc thu học phí của học sinh, sinh viên theo đúng quy định của pháp luật khi có phát sinh.

3.2. Đối với sai phạm số 5.3, 5.9 khoản 5 mục II phần C

a) Dừng ngay việc giao cán bộ, giáo viên trực tiếp thu tiền học phí của học sinh, sinh viên; thực hiện việc thu nộp học phí theo đúng quy định của pháp luật về tài chính.

b) Có biện pháp thu lại toàn bộ số tiền mà giáo viên đã thu từ học sinh, sinh viên mà chưa nộp về Trường để nộp về bộ phận tài vụ của Trường.

3.3. Đối với sai phạm số 5.4, 5.5, 5.6 khoản 5 mục II phần C



a) Rà soát, xác minh lại những trường hợp học viên là bộ đội xuất ngũ đã nhận tiền, nếu phát hiện có sai phạm trong việc chi trả cho đối tượng thụ hưởng phải thu hồi và xử lý trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan.

b) Hoàn thiện chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật và không để phát sinh sai phạm tương tự.

3.4. Đối với sai phạm số 5.7 khoản 5 mục II phần C: Rà soát, xác minh số nhiên liệu thực tế giáo viên dạy lái xe đã sử dụng, đảm bảo phản ánh đúng thực tế sử dụng. Trường hợp phát hiện chênh lệch giữa nhiên liệu giáo viên thực nhận với thực tế thanh toán, tiến hành thu hồi, xác định nguyên nhân, xử lý trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan.

3.5. Đối với sai phạm số 5.8 khoản 5 mục II phần C

a) Rà soát, xác định số thuế phải nộp và thực hiện điều chỉnh, nộp theo quy định của pháp luật.

b) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm không để phát sinh sai phạm tương tự.

3.6 Đối với sai phạm số 5.10 khoản 5 mục II phần C: Xây dựng, ban hành phương án phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí quản lý chung cho hoạt động dịch vụ để hạch toán đúng, đủ cho từng hoạt động theo quy định.

3.7. Khắc phục ngay sai phạm, thiếu sót số 4.2, 4.3, 4.4 khoản 4 mục II phần C

3.8. Khắc phục khi có phát sinh đối với sai phạm, thiếu sót số 2.1, 2.2, 2.3, 2.7, 2.9, 3.2, 3.3, 4.5, 4.6, 4.7 mục II phần C.

Các sai phạm, thiếu sót còn lại phải được khắc phục trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết luận thanh tra.

4. Đối với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ LĐTBXH

4.1. Vụ Tổ chức cán bộ

- Tham mưu Bộ trưởng kiểm điểm trách nhiệm, xử lý kỷ luật cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nêu tại mục 1, 2 phần D vì đã có hành vi vi phạm pháp luật nêu tại mục II phần C Kết luận này.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn đối với Trường trong công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt về công tác tuyển dụng, sử dụng người lao động theo quy định của pháp luật.

4.2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn đối với Trường thực hiện các chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ kiểm điểm trách nhiệm của Hiệu trưởng, Kế toán trưởng của Trường liên quan đến hành vi sai phạm về quản lý, sử dụng tài chính nêu tại phần C và mục 1, 2, 3 phần D Kết luận này.

uu

- Phối hợp với Trường làm việc với Bộ Tài chính để cấp đủ và kịp thời kinh phí hỗ trợ chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất phải thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra này và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/9/2020./

Nơi nhận:

- Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất; (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (để phối hợp t/h);
- Vụ Tổ chức cán bộ (để phối hợp t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu TTr, HSTTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng